TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 263/2024/KDTM-PT
Ngày : 30/9/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng xây dựng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Tuyết Mai

***Các Thẩm phán*:** Ông Nguyễn Xuân Tuấn

Ông Bùi Đức Bằng

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Trần Chí Thành - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/09/2024, 30/09/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 146/2024/TLPT-KDTM ngày 04/07/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng xây dựng".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2024/KDTM-ST ngày 22/1/2024 của Tòa án nhân dân quận NTL, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 591/2024/QĐ-PT ngày 09/9/2024, Quyết định hoãn phiên Tòa số 606/2024 ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH xây dựng S (gọi tắt là Công ty S)

Địa chỉ: Tầng 1x, khối A toà nhà SĐ, đường A, phường B, quận NTL, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông LD- Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông CBĐ Sinh năm 1990; Địa chỉ liên hệ: Căn hộ 7xx nhà Bxx, khu đô thị mới N, phường T, quận CG, Thành phố Hà Nội.

(Có mặt)

Bị đơn: Công ty cổ phần SĐ

Địa chỉ: Tòa nhà SĐ, đường A, TDP số 8, phường B, quận NTL, Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Ông THS - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà TTC- Cán bộ công ty.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư NQN - Luật sư công ty luật TNHH quốc tế M thuộc liên đoàn luật sư Việt Nam.

(Bà C và luật sư N có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 17/06/2010, Công ty S ký kết Hợp đồng Xây Lắp số 14 CN/HĐXL/2010 với chi nhánh SĐ 9xx thuộc Công ty cổ phần SĐ về việc: Thi công "*Khoan, lắp đặt và bơm vữa neo mềm trong đất"*, hạng mục: Tháp điều áp – Công trình thủy điện Hủa Na. Theo biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình xây dựng để đưa vào sử dụng, thời gian nghiệm thu kết thúc: ngày 24 tháng 05 năm 2011. Trong quá trình thực hiện hợp đồng chi nhánh SĐ đã thanh toán hơn 20 tỷ đồng. Đến nay giá trị còn lại phải thanh toán cho Công ty S là **1.050.763.774 đồng .**

Ngày 11/06/2013 Công ty S đã gửi thư cho Chi nhánh SĐ 9xx thuộc Công ty CP SĐ về việc đề nghị thanh toán khoản nợ là **1.050.763.774 đồng** nhưng Công ty TNHH xây dựng S không được phản hồi và chưa được trả khoản nợ này từ Chi nhánh SĐ thuộc Công ty cổ phần SĐ. Trong suốt thời gian sau đó Công ty S liên tục gửi thư đề nghị thanh toán cho Công ty cổ phần SĐ. Ngày 20/01/2020 Công ty S gửi thư xác nhận, theo đó Công ty cổ phần SĐ thừa nhận còn nợ 1.050.763.774 đồng (Bằng chữ: Một tỷ không trăm năm mươi triệu, bảy trăm sáu mươi ba nghìn, bảy trăm bảy mươi tư đồng). Vì vậy, Công ty cổ phần SĐ có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty S số tiền là: 1.050.763.774 đồng.

Ngoài ra, đối với khoản lãi chậm trả, tại Khoản 1 Điều 9 của Hợp đồng Xây Lắp số 14 CN/HĐXL/2010 có quy định như sau: "... Nếu quá thời hạn thanh toán trên mà Bên A vẫn không thanh toán cho Bên B thì Bên A sẽ phải trả cho Bên B số tiền chậm thanh toán theo lãi suất do Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) công bố tại thời điểm chậm thanh toán".

Theo công bố tại website của Vietcombank về lãi suất cho vay, có nội dung như sau: "*Chương trình An tâm lãi suất dành cho khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức bán lẻ có nhu cầu vay mua/xây sửa nhà/đất ở, vay sản xuất kinh doanh, vay mua ô tô, vay tiêu dùng có tài sản đảm bảo… với mức lãi suất cho vay cố định chỉ từ 9,5%/năm tại các kỳ hạn trung và dài hạn bao gồm: 18 tháng, 24 tháng; 36 tháng; 60 tháng; 84 tháng (07 năm) và lên tới 120 tháng (10 năm)."*

Như vậy, có thể thấy việc Công ty S yêu cầu Công ty cổ phần SĐ trả lãi ở mức 10%/ năm là hoàn toàn có cơ sở.

Hiện tại, do Công ty cổ phần SĐ và Công ty S không đạt được thỏa thuận về số tiền chậm trả cần thanh toán, nên Công ty S yêu cầu Công ty cổ phần SĐ có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm thanh toán từ ngày nghiệm thu hoàn thành hạng mục đưa vào sử dụng (ngày 24/05/2011) cho đến ngày xét xử dự kiến, tuy nhiên, cũng do trao đổi với phía bị đơn là Công ty cổ SĐ, hiện đang gặp đôi chút khó khăn về dòng tiền, vì vậy Công ty S yêu cầu Quý Tòa áp dụng mức lãi suất thấp hơn so với yêu cầu trong đơn khởi kiện, cụ thể là 9%/ năm, chi tiết tiền lãi như sau:

Ngày nghiệm thu hoàn thành hạng mục đưa vào sử dụng	**Ngày bắt đầu tính lãi**	**Ngày xét xử dự kiến**	**Tổng số ngày tính lãi phát sinh**

24/5/2011	25/5/2011	08/01/2024	4612
24/5/2011	25/5/2011	22/01/2024	4626
SỐ LÃI TẠM TÍNH DO CHẬM THANH TOÁN			
Số tiền nợ gốc (VNĐ)	**Tỉ lệ lãi suất tính theo ngày (9%/năm)**	**Đến ngày**	**Tiền lãi tạm tính (VNĐ)**
1.050.763.774	0,00024658	08/01/2024	1.194.934.321
1.050.763.774	0,00024658	22/01/2024	1.198.561.616

Nay, Công ty S đề nghị Quý Tòa án giải quyết các yêu cầu sau đây: Buộc Công ty cổ phần SĐ thanh toán cho Công ty S số tiền nợ gốc là: 1.050.763.774 đồng *và* tiền nợ lãi là 1.198.561.616 đồng.

Tổng số tiền Công ty cổ phần SĐ phải thanh toán cho Công ty S cả nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày xét xử 22/01/2024 là: 2.249.299.421 đồng.

2. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Ngày 17/06/2010, Công ty cổ phần SĐ ký kết Hợp đồng Xây Lắp số 14 CN/HĐXL/2010 với Công ty S về việc: Thi công "Khoan, lắp đặt và bơm vữa neo mềm trong đất", hạng mục: Tháp điều áp - Công trình thủy điện Hủa Na. Theo biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình xây dựng để đưa vào sử dụng, thời gian nghiệm thu kết thúc: ngày 24 tháng 05 năm 2011. Giữa bên phía Công ty cổ phần SĐ với Công ty S đến nay đã nghiệm thu xong.

Ngày 11/06/2013, Công ty cổ phần SĐ có nhận được thư nhắc nợ về việc đề nghị thanh toán khoản nợ là 1.050.763.774 đồng nhưng do phía công ty cũng đang gặp khó khăn, đồng thời chưa nhận được tiền thanh toán của chủ đầu tư cho khoản tiền này khiến Công ty S đã có đơn khởi kiện lên tòa án quận NTL, thành phố Hà Nội để yêu cầu Tòa án buộc phía Công ty cổ phần SĐ phải trả hết khoản nợ cho Công ty S với số tiền là 1.050.763.774 đồng .

Công ty cổ phần SĐ đề nghị phía Công ty S không yêu cầu trả tiền lãi và chấp nhận để công ty được thanh toán khoản nợ gốc trên thành từng 02 đợt như sau:

- Đợt 1: Trong tháng 12/2023 thanh toán: 500.000.000 (Năm trăm triệu chẵn) đồng.

- Đợt 2: Trong tháng 01/2023 thanh toán số tiền còn lại: 550.763.774 (Năm trăm năm mươi triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm bảy mươi tư) đồng.

**** Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2024/KDTM- ST ngày 22/1/2024 của Tòa án nhân dân quận NTL, thành phố Hà Nội đã xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH xây dựng S đối với Công ty cổ phần SĐ.

2. Buộc Công ty cổ phần SĐ trả cho Công ty TNHH xây dựng S số tiền nợ tạm tính đến ngày xét xử 22/01/2024, theo Hợp đồng Xây Lắp số 14 CN/HĐXL/2010 ngày 17/06/2010. Tổng số tiền là: 2.249.299.421 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 1.050.763.774 đồng; Nợ lãi: 1.198.561.616 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất đối với khoản tiền chưa thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, bị đơn có đơn kháng cáo đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm do không chấp nhận thanh toán số tiền lãi chậm trả là 1.254.295.278 đồng.

**** Tại Tòa án cấp phúc thẩm:***

Bị đơn chỉ xuất trình được báo cáo tài chính năm 2022 có công chứng chứng thực, ngoài ra không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào là bản chính hoặc bản công chứng chứng thực hợp pháp. Nguyên đơn không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới.

- Nguyên đơn và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và trình bày căn cứ vào thư xác nhận công nợ của bị đơn ngày 20/1/2020 nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được lấy lại thời hiệu theo Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn khẳng định chủ đầu tư là Tập đoàn D, Công ty cổ phần thủy điện H và Tổng thầu là Tổng công ty SĐ không liên quan trong vụ án nên không là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vì đến thời điểm hiện tại các đơn vị trên không có ý kiến gì đến công trình xây dựng của nguyên đơn, việc tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về việc thanh toán tiền còn thiếu đã được bị đơn xác nhận công nợ. Bị đơn cho rằng chỉ nhận khoản thanh toán cuối cùng năm 2023 là không đúng, theo đơn kháng cáo và hóa đơn chuyển tiền cho thấy chứng cứ này không có giá trị, bởi lệnh chuyển tiền của Ban điều hành Thủy Điện I, không liên quan đến Hủa Na, nội dung không có giá trị vì đó có thể là sự tạo dựng. Về ý kiến lãi chậm thanh toán: nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu chứng minh cho yêu cầu của mình như hợp đồng, hồ sơ thanh toán, hồ sơ nghiệm thu. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn thay đổi thời gian tính lãi đề nghị tính lãi của số tiền 3% nợ gốc từ ngày 25/5/2013. 2% của số tiền nợ gốc từ ngày 05/7/2011 với lãi suất 9%/năm là phù hợp với quy định tại hợp đồng cũng như quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX bác kháng cáo của bị đơn.

- Bị đơn và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, đề nghị HĐXX phúc thẩm hủy án sơ thẩm vì đưa thiếu người tham gia tố tụng phải đưa chủ đầu tư là Tập đoàn D, Công ty cổ phần thủy điện Hvà Tổng thầu là Tổng công ty SĐ làm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, tòa cấp sơ thẩm điều tra xác minh không đầy đủ và thời hiệu khởi kiện tiền lãi là không đúng quy định. Bị đơn thừa nhận Nguyên đơn đã hoàn thành các nghĩa vụ của mình theo biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình xây dựng để đưa vào sử dụng, thời gian nghiệm thu kết thúc ngày 24/05/2011, đã hoàn thành hồ sơ thanh toán cho bị đơn và bàn giao công trình cho bị đơn. Ngày 11/6/2013 bị đơn nhận được thư nhắc nợ của nguyên đơn nhưng không có bất kỳ phản hồi gì. Hợp đồng xây dựng đã thỏa thuận với nhau là tự nguyện, viêc ký kết hợp đồng các bên phải biết và chấp nhận nhận các điều khoản trong hợp đồng. Quan điểm của nguyên đơn cho rằng tại thời điểm hoàn thành nghĩa vụ thanh toán bị

đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là không đúng thỏa thuận và không đúng quy định vì theo hợp đồng bị đơn phải nhận được tiền từ chủ đầu tư thì mới phải thanh toán tiền còn thiếu cho nguyên đơn. Thời điểm 14/6/2023 bị đơn mới nhận được thanh toán giá trị cuối cùng của công ty được thể hiện trong báo cáo tài chính của công ty, do đó nguyên đơn tính lãi từ ngày 25/5/2011 là không có cơ sở và đề nghị tính lãi sau ngày 14/6/2023.

** Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận xét và đề nghị:*

- Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn được gửi đến Tòa án cấp sơ thẩm trong thời hạn và đã đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Căn cứ các Điều 272, 273 và 276 BLTTDS 2015, xác định kháng cáo của bị đơn hợp lệ. Ngày 20/01/2022, bị đơn gửi thư xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 1.050.763.774 đồng. Ngày 27/4/2023, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện bị đơn đến Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm nên xác định nguyên đơn khởi kiện bị đơn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429, điểm d khoản 1 Điều 688 BLDS năm 2015.

- Về nội dung kháng cáo: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại đơn kháng cáo, bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 1.050.763.774 đồng. Việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả nguyên đơn số tiền này là có căn cứ pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm Bị đơn và nguyên đơn đều thừa nhận số tiền 1.050.763.774 đồng là 5% của giá trị hợp đồng (trong đó có 3% là tiền bảo hành). Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử thay đổi thời điểm bắt đầu tính lãi, cụ thể: 2% của số tiền 1.050.763.774 đồng bắt đầu tính lãi từ ngày 05/7/2011 (sau 15 ngày) đến ngày 22/01/2024 (ngày xét xử sơ thẩm), 3% của số tiền 1.050.763.774 đồng bắt đầu tính lãi từ ngày 25/5/2013 (sau 02 năm bảo hành) đến ngày 22/01/2024 (ngày xét xử sơ thẩm). Bị đơn cho rằng, theo khoản 1 Điều 9 của Hợp đồng 14 có quy định, khi bị đơn nhận được tiền thanh toán khối lượng của Chủ đầu tư thì bị đơn mới thanh toán cho nguyên đơn. Xét thấy, theo Điều 30 Nghị định số 99/2007/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình quy định về Quyết toán hợp đồng xây dựng: *Bên giao thầu và Bên nhận thầu có trách nhiệm quyết toán hợp đồng xây dựng trong vòng 30 ngày sau khi bên nhận thầu hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng (trừ nghĩa vụ bảo hành công trình theo quy định và đề nghị quyết toán hợp đồng.* Như vậy, bị đơn cho rằng, khi bị đơn nhận được tiền thanh toán khối lượng của Chủ đầu tư thì bị đơn mới thanh toán cho nguyên đơn là không phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ vào thừa nhận của nguyên đơn và bị đơn về ngày xuất hóa đơn; yêu cầu thay đổi thời điểm bắt đầu tính lãi của số tiền 1.050.763.774 đồng không vượt quá phạm vi giải quyết của cấp phúc thẩm và không tạo ra tình huống tranh chấp mới. Việc này nhằm bảo đảm sự ổn định và công bằng trong xét xử để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên. Vì vậy, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn về tính lãi, sửa bản án sơ thẩm về lãi.

Từ những phân tích trên, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội về việc giải quyết vụ án như sau: Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa một phần Bản án sơ thẩm về lãi.

- Án phí KDTMPT: Bị đơn không phải chịu án phí KDTM phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

- *Về Đơn kháng cáo:* Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn kháng cáo quá hạn, đơn kháng cáo của bị đơn được xét kháng cáo quá hạn và được chấp nhận. Bị đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:*

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh từ hợp đồng xây dựng nên là tranh chấp kinh doanh thương mại. Bị đơn là Công ty cổ phần SĐ, có trụ sở tại: Tòa nhà SĐ, đường A, TDP số 8, phường B, quận NTL, Hà Nội; Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân quận NTL thụ lý và giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

- *Về xác định người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng xây lắp số 14 CN/HĐXL/2010 ngày 17/6/2010 đã được bị đơn xác nhận tại thư xác nhận ngày 20/1/2022 về số tiền nợ gốc 1.050.763.774 đồng. Các đương sự không có tranh chấp gì khác. Do vậy, Tòa án nhân dân quận NTL xác định Công ty TNHH xây dựng S là nguyên đơn, Công ty cổ phần SĐ là bị đơn, không đưa chủ đầu tư là Tập đoàn D, Công ty cổ phần thủy điện H và Tổng thầu là Tổng công ty SĐ làm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] - Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

** Về việc yêu cầu trả số tiền nợ gốc:* Số tiền nợ gốc là 1.050.763.774 đồng là giá trị thực tế bị đơn còn nợ nguyên đơn theo Hợp đồng xây lắp số 14 CN/ HĐXL/2010 ngày 17/6/2010. Cả nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận số tiền nợ gốc là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Thư xác nhận ngày 20/01/2022 của Công ty cổ phần SĐ gửi Công ty S nên được Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận để làm căn cứ tính số dư nợ của hai bên là phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán tiền nợ gốc của Hợp đồng xây lắp với tổng số tiền 1.050.763.774 đồng là có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

**Về việc yêu cầu trả số tiền lãi:* Quá trình thực hiện hợp đồng, Nguyên đơn đã hoàn thành các nghĩa vụ của mình theo biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình xây dựng để đưa vào sử dụng, thời gian nghiệm thu kết thúc ngày 24/05/2011, đã hoàn thành hồ sơ thanh toán với bị đơn và bàn giao công trình cho bị đơn. Tuy nhiên, Công ty cổ phần SĐ chưa thanh toán số tiền còn thiếu theo hợp đồng, do vậy ngày 11/06/2013 Nguyên đơn đã gửi thư cho Chi nhánh SĐ 9xx thuộc Công ty CP SĐ về việc đề nghị thanh toán khoản nợ gốc là 1.050.763.774 đồng nhưng không có kết quả. Trong suốt thời gian sau đó Nguyên đơn liên tục gửi thư đề nghị Công ty cổ phần SĐ thanh toán. Ngày 20/01/2022, Bị đơn gửi thư xác nhận, theo đó Bị đơn còn nợ Nguyên đơn số tiền là 1.050.763.774 đồng.

Việc bị đơn nại ra rằng do phía bị đơn chờ tiền thanh toán từ chủ đầu tư nên không thanh toán được cho nguyên đơn tiền còn nợ và quá thời hiệu khởi kiện yêu

cầu thanh toán tiền lãi. Ý kiến này Hội đồng xét xử thấy căn cứ Khoản 1 Điều 9 của Hợp đồng Xây Lắp số 14 CN/HĐXL/2010 các bên có thỏa thuận về thời hạn thanh toán: "*Bên A sẽ thanh toán tiền cho bên B không quá 15 ngày kể từ ngày hai bên hoàn thành các thủ tục thanh toán và bên A nhận được tiền thanh toán khối lượng đó từ Chủ đầu tư…"*. Tuy nhiên tại điều 30 NĐ 99/2007 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đã quy định về quyết toán hợp đồng xây dựng "Bên giao thầu và bên nhận thầu có trách nhiệm quyết toán hợp đồng xây dựng trong vòng 30 ngày sau khi bên nhận thầu hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng (trừ nghĩa vụ bảo hành công trình theo quy định) và đề nghị quyết toán hợp đồng".

Tại phiên Tòa phúc thẩm bị đơn thừa nhận nguyên đơn đã hoàn thành hồ sơ, các thủ tục thanh toán. Công trình đã hoàn thành, được nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng từ 24/5/2011. Sau khi nhận bàn giao công trình không ai có khiếu nại thắc mắc tranh chấp gì liên quan đến công trình. Bị đơn đã nhận được thư nhắc nợ ngày 11/6/2013 (đã quá 2 năm kể từ ngày bàn giao công trình) của nguyên đơn nhưng không có bất kỳ phản hồi nào cho nguyên đơn. Bị đơn chỉ xuất trình được báo cáo tài chính năm 2022 có công chứng chứng thực, ngoài ra không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào là bản chính hoặc bản công chứng chứng thực hợp pháp. Do vậy nghĩa vụ thanh toán của bị đơn với nguyên đơn về tiền lãi chậm trả được tính từ ngày 11/6/2023, thời gian chậm thanh toán tiền là 10 năm 7 tháng 11 ngày. Yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử thay đổi thời điểm bắt đầu tính lãi, cụ thể: 2% của số tiền 1.050.763.774 đồng bắt đầu tính lãi từ ngày 05/7/2011 (sau 15 ngày) đến ngày 22/01/2024 (ngày xét xử sơ thẩm), 3% của số tiền 1.050.763.774 đồng bắt đầu tính lãi từ ngày 25/5/2013 (sau 02 năm bảo hành) đến ngày 22/01/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) không được chấp nhận.

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP về quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng, thì ''*lãi suất chậm trả theo lãi suất quá hạn do ngân hàng thương mại nơi bên nhận thầu mở tài khoản thanh toán công bố tương ứng với các thời kỳ chậm thanh toán và được tính từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi bên giao thầu đã thanh toán đầy đủ cho bên nhận thầu, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác*".

Căn cứ theo khoản 1 Điều 9 của Hợp đồng Xây Lắp số 14 CN/HĐXL/2010 có quy định như sau: *"... Nếu quá thời hạn thanh toán trên mà Bên A vẫn không thanh toán cho Bên B thì Bên A sẽ phải trả cho Bên B số tiền chậm thanh toán theo lãi suất do Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) công bố tại thời điểm chậm thanh toán"*. Theo công bố tại Website của Vietcombank về lãi suất cho vay, lãi suất cố định chỉ từ 9,5%/năm tại các kỳ hạn trung và dài hạn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu tính lãi suất là 9%/năm, yêu cầu này của nguyên đơn không vượt quá mức lãi suất quá hạn do bị đơn chậm trả được quy định nghị định 37/2015/ NĐ-CP ngày 22/4/2015 của chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng nên được chấp nhận. Do vậy, buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi chậm trả được tính từ ngày 11/6/2013 với mức lãi suất 9/năm của hợp đồng xây lắp với tổng số tiền lãi tính đến ngày 22/01/2024, cụ thể là: 1.050.763.774 đồng x 9 %/ năm (0,75%/ tháng, 0,02465 %/ ngày) x thời gian chậm thanh toán (tính từ ngày 11/ 6 /2013 đến ngày 22/01/2024) = 1.003.701.639 đồng là có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

Tranh chấp giữa nguyên đơn với bị đơn là tranh chấp hợp đồng xây dựng, các bên có thỏa thuận về lãi xuất trong trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng phù hợp

với quy định của pháp luật nên Tòa án sơ thẩm cần rút kinh nghiệm tại phần quyết định của Bản án sơ thẩm tuyên về phần tính lãi suất thi hành án theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP của Hội đồng thẩm phán- Tòa án nhân dân tối cao.

Từ những phân tích, đánh giá trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm.

Kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Luật Xây dựng 2003.

- Căn cứ Nghị định 37/2015/ NĐ-CP ngày 22/4/2015 của chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng

- Căn cứ Điều 30 của Nghị định 99/2007/NĐ-CP về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH xây dựng S đối với Công ty cổ phần SĐ.

2. Buộc Công ty cổ phần SĐ thanh toán cho Công ty TNHH xây dựng S số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử 22/01/2024, theo Hợp đồng Xây Lắp số 14 CN/HĐXL/2010 ngày 17/06/2010. Tổng số tiền là**:** 2.054.465.413 đồng *(Hai tỷ không trăm năm mươi bốn triệu bốn trăm sáu năm nghìn bốn trăm mười ba đồng).* Trong đó:

Nợ gốc: 1.050.763.774 đồng.

Nợ lãi: 1.003.701.639 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (22/1/2024) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng Xây Lắp số 14 CN/HĐXL/2010.

3. Về án phí kinh doanh thương mại:

- Án phí sơ thẩm: Công ty cổ phần SĐ phải chịu 73.089.308 đồng tiền án phí sơ thẩm. Hoàn trả Công ty TNHH xây dựng S 24.814.429 đồng tiền tạm ứng án phí đã

nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 35620 ngày 09/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận NTL, thành phố Hà Nội.

- Án phí phúc thẩm: Hoàn trả Công ty cổ phần SĐ số tiền tạm ứng án phí 2.000.000đ đã nộp theo biên lai số 9698 ngày 16/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận NTL, thành phố Hà Nội.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 30/9/2024.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS quận NTL;
- TAND quận NTL;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Tuyết Mai